

## HOBO data logger

### Nhiệt ẩm kế điện tử HOBO H14-001

#### Đặc tính:

Hiển thị tình trạng bộ nhớ và pin. Đặt mức độ báo động tín hiệu cao và thấp (cả nhiệt độ và độ ẩm) Role báo động: tự chọn chế độ thường đóng hay thường mở. Truyền tín hiệu báo động đi xa hay tự động quay điện thoại (tùy chọn) đảm bảo thông báo kịp thời trạng thái báo động. Bộ nhớ EEPROM đảm bảo lưu giữ liệu ngay cả khi pin hỏng hay hết pin. Có thể thay thế đầu dò độ ẩm.



#### Thông số kỹ thuật:

Khoảng đo nhiệt độ: -20° đến 50°C (-4° đến 122°F); độ ẩm: 15% đến 95%. Độ chính xác nhiệt độ: +/- 0,7°C @ 20°C (+/- 1,3° @ 68°F); độ ẩm: +/-3% giữa 20% và 80%. Có khả năng ghi hơn 65000 giá trị (11 tháng ghi liên tục nhiệt độ và độ ẩm với thời gian giữa hai lần lấy tín hiệu là 15 phút). Khoảng lấy số liệu (1 giây đến 9 giờ). Sử dụng 3 pin AAA Kích thước: 12,4 x 9,1 x 3,0 cm. Khối lượng: 170g (6.0oz) với pin. Mã đặt hàng: **MIS-001-250**

onset

### Nhiệt ẩm kế điện tử HOBO U10-003

#### Đặc tính:

Tự chọn khoảng ghi giá trị: 1 giây đến 18 giờ. Lập trình thời gian khởi động ngay với nút nhấn. Báo hiệu tình trạng pin. Ghi nhận nhiều thông số trạng thái khác trong quá trình làm việc (lần nhấn và nhả nút, kết nối với máy tính). Bộ nhớ lớn (52K) giúp ghi số liệu trong thời gian dài. Độ chính xác về thời gian: 61 giây/tháng ở 25°C (77°F)



#### Thông số kỹ thuật:

##### NHIỆT ĐỘ:

Khoảng đo: -20° đến 70°C (-4° đến 158°F); Độ chính xác: +/- 0,4°C @ 25°C (+/- 0,7° @ 77°F); Độ phân giải: 0,1°C @ 25°C (0,2° @ 77°F)

Thời gian đáp ứng ở vùng không khí chuyển động với vận tốc 1m/s

##### ĐỘ ẨM TƯƠNG ĐỐI:

Khoảng đo: 25% - 95% trong khoảng nhiệt độ từ 5°C đến 55°C

Độ chính xác: +/- 3,5% trong khoảng 25% đến 85% nhiệt độ từ 15°C - 45°C

+/- 5% trong khoảng 25% đến 95% ngoài khoảng nhiệt độ từ 5°C - 55°C

Độ phân giải: 0,07°C @ 25°C (77°F) và @ 30% RH

Thời gian đáp ứng ở vùng không khí chuyển động với vận tốc 1m/s

Phạm vi hoạt động: -20°C - 70°C, 0 - 95% (không bị ướt đầu dò)

Mã đặt hàng: **MIS-003-007**

## GMK KOREA

### Thiết bị đo thủy phần GMK-305T/GMK-307C

#### Mô tả sản phẩm:

Dùng để đo thủy phần sản phẩm một cách nhanh chóng và chính xác Đảm bảo thủy phần sản phẩm theo đúng yêu cầu khách hàng trong suốt quá trình sản xuất. Tiết kiệm thời gian và chi phí để giữ sản phẩm khô Ngăn ngừa sự hư hỏng của sản phẩm do thủy phần cao gây ra trong suốt quá trình cất giữ và vận chuyển. Tăng hiệu quả và thuận tiện trong quá trình chế biến. Chọn được đúng chủng loại trà, mật ong hay cà phê theo đúng yêu cầu của khách hàng

Khoảng đo	3,5% ~ 18% / 4% ~ 14%
Độ chính xác	+/- 0,5%
Độ phân giải	0,1%
Tự động bù sai số nhiệt độ	
Nguồn điện	Pin 1,5V x 4
Khối lượng cả hộp	1,5 kg
Khối lượng mẫu	130 cc
Mã đặt hàng	<b>MIS-305-018 / MIS-307-019</b>

#### Đặc điểm:

Thuận tiện dùng để đo thủy phần ở lá trà và trong hạt cà phê. Kích thước nhỏ gọn, dễ sử dụng và đo lường nhanh. Ứng dụng phương pháp đo điện dung. Sử dụng kỹ thuật vi xử lý. Có chức năng tính giá trị trung bình (tối đa cho 9 lần đo)



Kích thước máy  
**220 x 148 x 55 mm**

### Thiết bị đo thủy phần GMK-315

#### Mô tả sản phẩm:

Dùng để đo thủy phần sản phẩm một cách nhanh chóng và chính xác Đảm bảo thủy phần sản phẩm theo đúng yêu cầu khách hàng trong suốt quá trình sản xuất. Tiết kiệm thời gian và chi phí để giữ sản phẩm khô Ngăn ngừa sự hư hỏng của sản phẩm do thủy phần cao gây ra trong suốt quá trình cất giữ và vận chuyển.

Tăng hiệu quả và thuận tiện trong quá trình chế biến. Chọn được đúng chủng loại trà, mật ong hay cà phê theo đúng yêu cầu của khách hàng.



Kích thước  
**158 x 70 x 40 mm**

#### Đặc điểm:

Thuận tiện dùng cho việc đo phần trăm nước có trong mật ong. Kích thước nhỏ gọn, dễ sử dụng và đo lường nhanh. Sử dụng kỹ thuật chỉ số phản xạ ánh sáng. Chính chuẩn (calib) bằng dung dịch chuẩn. Ký hiệu nhắc nhở thời điểm phải thay pin.

#### Thông số kỹ thuật:

Khoảng đo	12% ~ 40%
Độ chính xác	+/- 0,2%
Độ phân giải	0,1%
Tự động bù sai số nhiệt độ	
Nguồn điện	Pin 9V x 1
Khối lượng cả hộp	1,0 kg
Khối lượng mẫu	vừa đủ
Mã đặt hàng	<b>MIS-315-017</b>